

Số: 67/BC-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 9 năm 2022

## BÁO CÁO

### **Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”**

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh Ninh Thuận về giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”.

Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình (VQGPB) báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”, như sau:

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm đơn vị

Xác định công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với công tác cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; do đó, Chi bộ, Lãnh đạo Ban quản lý VQGPB thường xuyên quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng như: Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của



Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020, Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “*Tham nhũng vặt*”; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Chi bộ, Lãnh đạo Ban quản lý VQGPB luôn quan tâm tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng đến đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, gắn với việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết TW 4 (*Khóa XII*) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: lồng ghép tại các cuộc họp giao ban, sinh hoạt định kỳ, chào cờ hàng tháng của đơn vị. Qua đó, góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ về ý thức chấp hành pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết công việc của công chức trong cơ quan.

2.2. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

Hàng năm, Lãnh đạo Ban quản lý VQGPB chỉ đạo ban hành Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng,... để triển khai thực hiện theo quy định; định kỳ tháng, quý, năm thực hiện báo cáo đầy đủ gửi về Thanh tra tỉnh đúng thời gian quy định; đồng thời, chỉ đạo lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị quán triệt đến từng công chức, viên chức chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ của từng công chức, viên chức trong cơ quan.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại cơ quan,... đảm bảo kịp thời và đúng quy định.



2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

Nhằm sắp xếp, nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 08/NQ-CP, Chương trình hành động số 181-CTr/TU của Tỉnh ủy và các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện Quyết định số 170/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy Ban quản lý VQGPPB. Đơn vị đã chủ động thực hiện sắp xếp 03 phòng (Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khoa học và Hợp tác quốc tế) và 02 đơn vị trực thuộc (01 đơn vị tổ chức hành chính là Hạt Kiểm lâm và 01 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường).

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện Chỉ thị số 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc: Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong phát hiện, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm minh hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc tại đơn vị; Cấp ủy và Ban Lãnh đạo đề cao trách nhiệm nêu gương, gương mẫu thực hiện và tăng cường trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

- Thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập: Thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hàng năm đã chỉ đạo, quán triệt đến công chức, viên chức tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và việc kê khai của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan.

- Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ công chức, viên chức góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan. Đổi mới quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế.

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng



3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Các hoạt động của cơ quan đều được phổ biến cho toàn thể công chức, viên chức. Tổ chức thực hiện tốt việc công khai, minh bạch hoạt động tại cơ quan: Phòng Tổ chức - Hành chính, các đơn vị trực thuộc Ban quản lý VQGPN thực hiện công khai các hoạt động về quản lý tài chính, ngân sách; quản lý thực hiện các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công; công khai các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công khai của các đơn vị, tạo mục “*phòng, chống tham nhũng*” trên trang điện tử của cơ quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân dễ theo dõi và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí, quản lý chế độ mua sắm tài sản công và tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, kinh phí tiếp khách. Phòng Tổ chức - Hành chính phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân giám sát, kiểm tra việc chấp hành Quy chế của cơ quan đối với công chức, viên chức; việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp đúng theo quy định và thực hiện công khai minh bạch về tài chính trong toàn thể cơ quan tại Hội nghị công chức, viên chức năm của đơn vị.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Ban quản lý VQGPN đã kịp thời ban hành và sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế chi tiêu phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng tài khoản công;... thực hiện hiệu quả tiết kiệm kinh phí hoạt động của cơ quan.

- Việc thực hiện các quy chế đã không để xảy ra việc lợi dụng của công, sử dụng tài sản của cơ quan vào việc riêng. Trong thời gian qua tài sản được sử dụng đúng theo chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Không có.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Hàng năm, đã chỉ đạo tổ chức rà soát các quy định hiện hành về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan. Kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản mới phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị như Quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức. Qua rà soát, đã ban hành mới Quyết định số 01/QĐ-BQLVQGPN ngày 06/01/2021 của Giám đốc Ban quản lý VQGPN về việc ban hành Quy chế dân chủ; Quyết định số 02/QĐ-BQLVQGPN ngày 06/01/2021 của Giám đốc Ban quản lý VQGPN về việc ban hành Quy chế làm việc; Quyết định số 03/QĐ-BQLVQGPN ngày 06/01/2021 của Giám đốc Ban quản lý VQGPN về việc ban hành Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 13/QĐ-



BQLVQGPP ngày 28/01/2021 của Giám đốc Ban quản lý VQGPP về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở. Qua đó, tất cả công chức, viên chức và người lao động đã nâng cao ý thức chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ theo quy định hiện hành. Trong thời gian qua, chưa có trường hợp công chức, viên chức vi phạm các chuẩn mực xử sự trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội đối với các cá nhân và tổ chức bên ngoài. Công chức, viên chức của đơn vị không có hành vi nhũng nhiễu, cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Giải quyết công việc được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thời gian quy định.

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo).

Ban quản lý VQGPP xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện nghiêm túc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Kết quả, từ năm 2016 đến năm 2021, không có trường hợp thực hiện chuyển đổi vị trí, nhiệm vụ công tác. Đơn vị chỉ thực hiện công tác điều động, luân chuyển, biệt phái công chức, viên chức giữa phòng, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm và trình độ chuyên môn được đào tạo; qua đó, đã góp phần phát huy năng lực trên nhiều lĩnh vực công tác được phân công, không xảy ra tình trạng nhũng nhiễu của công chức, viên chức đối với tổ chức và công dân.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

Hàng năm, giao phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức rà soát, tham mưu hướng dẫn, triển khai và thông báo danh sách công chức, viên chức thuộc đối tượng phải kê khai tài sản lần đầu và kê khai bổ sung tài sản, thu nhập theo quy định đến các phòng, đơn vị trực thuộc để thực hiện theo quy định. Theo đó, các công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập đã thực hiện việc kê khai theo quy định. Kết quả, trong giai đoạn 2016 – 2021 có 162 lượt công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập. Tất cả các trường hợp đều kê khai kịp thời, đầy đủ, đúng quy định và không thuộc diện phải xác minh tài sản;

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Không có

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính

- Hàng năm, tổ chức triển khai xây dựng và thực hiện hiệu quả, đồng bộ các kế hoạch liên quan đến công tác cải cách hành chính.

- Thường xuyên cập nhật các Luật và văn bản hướng dẫn mới của các cơ quan cấp trên, nhằm rà soát tham mưu sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy



phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, cũng như các nội quy, quy chế liên quan đến hoạt động của Ban quản lý VQGPPB.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo điều hành tại cơ quan; sử dụng phần mềm văn phòng điện tử vào quản lý hành chính và thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Công chức, viên chức và người lao động của cơ quan đã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện tốt văn hóa công sở.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Ban quản lý VQGPPB đã triển khai thực hiện phương thức thanh toán chế độ tiền lương, và các chế độ có liên quan qua tài khoản; các khoản trích nộp theo lương, thanh toán các chi phí hành chính, mua sắm tài sản,... theo quy định.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng: Không có

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Không có

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có.

4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành, đơn vị, địa phương: Không có.

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không có

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không có.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: 01 cuộc.



- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận: 01 cuộc.

## 5.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Giai đoạn 2016 – 2021 có 01 cuộc thanh tra do Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành thanh tra tại đơn vị:

Theo Quyết định số 67/QĐ-SNNPTNT ngày 19/01/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Ban quản lý VQGPB. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kết luận thanh tra số 143/KL-SNNPTNT ngày 27/3/2017 với nội dung kiến nghị:

+ Thực hiện việc niêm yết công khai minh bạch hoạt động tài chính, ngân sách Nhà nước đúng theo thời gian quy định tại Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, thực hiện việc niêm yết công khai trong công tác bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại công chức, viên chức.

+ Thực hiện đầu đủ báo cáo tháng về công tác phòng chống tham nhũng được hướng dẫn tại văn bản số 377/SNNPTNT-TTr ngày 23/3/2015 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác phòng, chống tham nhũng gửi các đơn vị trực thuộc.

+ Thực hiện xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm và niêm yết công khai chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức.

+ Nghiêm túc chấn chỉnh và tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế nêu trên.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị:

+ Đã tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể phòng Tổ chức – Hành chính.

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình:

- Tóm tắt nội dung vụ việc, nêu rõ số lượng cán bộ, công chức thanh tra bị xử lý kỷ luật do có hành vi tham nhũng: Không có

- Báo cáo số cán bộ, công chức thanh tra bị cơ quan chức năng khởi tố, điều tra; giá trị tài sản tham nhũng, kết quả thu hồi như thế nào: Không có

## 7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng.

Chi bộ, Lãnh đạo Ban quản lý VQGPB thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng, chống tham nhũng. Đưa các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng vào các buổi sinh hoạt định kỳ của các Chi bộ, Công đoàn, các cuộc họp cơ quan; đồng thời, thường xuyên quán



triệt, chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong việc quản lý và sử dụng ngân sách do Nhà nước cấp và các khoản thu, chi khác; tất cả các khoản thu, chi đều đảm bảo nguyên tắc tài chính; việc sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại trong cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Sử dụng phần mềm theo dõi quá trình giải quyết hồ sơ tại cơ quan, đơn vị.

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát của Chi bộ, cơ quan và tổ chức đoàn thể của cơ quan; đến nay, không có và chưa phát hiện công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực; đồng thời, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí của công chức, viên chức.

## **II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

### **1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP**

- Ban quản lý VQGPPB đã quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức các quy định về THTK, CLP như: Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của nghị định số 84/2014NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ và các Kết luận, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh về THTK, CLP; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 4/12/2017 của Bộ Tài chính v/v Quy định tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên; Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về ban hành Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

- Nhằm đẩy mạnh công tác THTK, CLP và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, viên chức; trên cơ sở Luật THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn thi hành chương trình THTK, CLP của địa phương, Ban quản lý VQGPPB đã tổ chức lấy ý kiến và ban hành các văn bản như: Quyết định ban hành Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn, Quy chế làm việc của Ban quản lý VQGPPB. Thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao. Công khai việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ và chấp hành các chế độ, định mức theo quy định của nhà nước đối với các nội dung: thanh toán công tác phí, chi phí hội nghị, mua sắm, sửa chữa,... Đồng thời kết hợp với các đợt thi đua, phát động phong trào thi đua thực hiện tốt tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.



- Trên cơ sở Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2016-2020, Ban Quản lý VQGPB đã triển khai việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị nhằm ngăn chặn và giảm thiểu tối đa lãng phí trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cụ thể hóa hệ thống định mức chi tiêu và trang bị tài sản tại Ban quản lý VQGPB, thực hiện hiệu quả một số giải pháp, nhiệm vụ về THPTK, CLP nhằm tạo chuyên môn mạnh mẽ và hiệu quả trong quá trình triển khai nhiệm vụ của Ban quản lý VQGPB. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, thời gian, tài sản và nhân lực.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao; giai đoạn 2016-2021, đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ quy định việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên, quyết định ban hành quy chế dân chủ, quy chế nâng lương trước thời hạn, quy chế làm việc, Quy chế Văn hóa công sở, Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Ban quản lý VQGPB.

Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật THPTK, CLP: Đẩy mạnh thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP với các hình thức phong phú, đa dạng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP; kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP theo quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

## **2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước:**

- Nhằm đảm bảo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện nghiêm, theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Ban quản lý VQGPB đã thường xuyên phối hợp Sở Tài chính; đồng thời, quán triệt, yêu cầu bộ phận kế toán thuộc Ban quản lý VQGPB thường xuyên rà soát, triển khai thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định hiện hành về quản lý tài chính trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, theo đúng quy định.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt nguyên tắc công khai, minh bạch, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án, đề án của Ngành.

- Thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm từ 10% chi thường xuyên (*không bao gồm tiền lương và các khoản có tính lương*) để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Tiết kiệm triệt để các khoản kinh phí chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, chi tiếp khách, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, sử dụng xăng xe, điện thoại, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo...

- Việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19- NQ/TW



ngày 25/10/2017.

### **3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công:**

Trên cơ sở quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 và các khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch hằng năm; Ban quản lý VQGPP đã triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, lập thủ tục trình thẩm định, phê duyệt đảm bảo theo đúng quy trình, quy định hiện hành.

### **4. Trong quản lý, sử dụng tài sản công:**

Ban quản lý VQGPP đã thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp và Chỉ thị số 28/CT-UBND ngày 03/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, cơ quan hoạt động sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra hiện trạng cơ sở nhà đất và báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định. Hằng năm, cập nhật biên động tài sản vào phần mềm tài sản công 4.0 và tiếp tục quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản được giao theo quy định.

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng máy móc, phương tiện đi lại, đầu tư trang thiết bị được thực hiện theo đúng quy định, thẩm quyền, quy trình, thủ tục, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thanh lý, nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước đối với các phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc theo quy định. Thông qua Hội nghị công chức, viên chức hằng năm, Ban quản lý VQGPP đều đã rà soát, ban hành mới Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công để triển khai, thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng quy định.

### **5. Trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động:**

*5.1. Tình hình quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước; trong đơn vị sự nghiệp công lập; trong các cơ quan, tổ chức khác:*

Đơn vị thực hiện ký kết hợp đồng theo đúng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và sử dụng lao động theo đúng vị trí, nhiệm vụ được ký kết trong hợp đồng.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp



đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực thi hành ngày 15/01/2019); UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 331/UBND-VXNV ngày 28/01/2019 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh triển khai, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ. Theo đó, yêu cầu tiếp tục thực hiện nghiêm quy định không được ký hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ tại vị trí việc làm của công chức theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1866/UBND-VXNV ngày 22/5/2017 và kể từ ngày 15/01/2019 (kể từ ngày Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành) tuyệt đối không được ký hợp đồng đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại các vị trí việc làm của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên; đồng thời, tiếp tục quán triệt việc tuyển dụng, nâng ngạch, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật.

*5.2. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư:*

Trên cơ sở các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về việc quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; trong giai đoạn 2016-2021, Ban quản lý VQGPP đã phối hợp với các cơ quan, địa phương tham mưu thực hiện chế độ chính sách thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế.

## **6. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng:**

Đơn vị đã xây dựng và ban hành các quy chế bảo vệ rừng, trình phê duyệt phương án phòng chống cháy rừng, hàng năm tổ chức thực hiện các phương án phòng chống cháy rừng theo phương án PCCR đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán.

## **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, CHỈ RÕ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN; THPT, CLP:**

### **1. Ưu điểm**

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh về chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức. Trong những năm qua, Lãnh đạo Ban quản lý VQGPP thường xuyên quan tâm và chú trọng đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc chỉ đạo và điều hành; qua đó, đã đạt được những kết quả nhất định, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng công chức, viên chức, như: công tác cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã được



triển khai theo lĩnh vực quản lý của đơn vị; tổ chức bộ máy được kiện toàn, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công đúng theo quy định; công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở để các tổ chức, cá nhân theo dõi, thực hiện và giám sát; công tác thông tin tuyên truyền luôn thường xuyên, đổi mới về nội dung và chất lượng; xây dựng được đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, có năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan trong những năm 2016-2021 được duy trì theo hướng tích cực, không có trường hợp vi phạm. Công tác tuyên truyền, phổ biến về Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thường xuyên được Chi bộ, lãnh đạo Ban quản lý VQGPPB quan tâm; Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện nghiêm túc, có kết quả; việc sử dụng văn phòng phẩm và các vật tư văn phòng được thực hiện trên cơ sở tiết kiệm đúng mức, hợp lý.

- Về tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính từng bước đi vào ổn định; công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất được đẩy mạnh thực hiện, thông qua đó, đã đưa ra các biện pháp chấn chỉnh kịp thời; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành (*TDOffice, hộp thư điện tử,...*) bảo đảm nhanh chóng, tiết kiệm.

**2. Tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đôi lúc chưa được triển khai thường xuyên. Nguyên nhân là do các phòng chuyên môn tập trung nhiều cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ nên đôi lúc chưa thật sự chủ động trong công tác thanh tra, kiểm tra về phòng, chống tham nhũng tại đơn vị mình; Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở các phòng, đơn vị chưa đổi mới về nội dung, hình thức; chưa phát huy hết vai trò giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân, đảng viên, công chức, viên chức.

**3. Nguyên nhân:** Một số quy định thi hành về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực còn khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện; đồng thời chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn; một số ít đảng viên, công chức, viên chức còn chủ quan trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nên chưa quan tâm đến các biện pháp phòng ngừa.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

1. Kiến nghị, đề xuất: Không
2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:



- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt”. Trọng tâm là tuyên truyền thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương và của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng tiêu cực theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

- Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành luôn bám sát chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, các chương trình hành động, kế hoạch chuyên đề của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Trung ương, Bộ, ngành liên quan và các văn bản liên quan của tỉnh đến công tác phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, nhất là công khai, minh bạch hoạt động cơ quan, tổ chức, đơn vị; minh bạch tài sản thu nhập của công chức, viên chức; thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của công chức, viên chức, đảng viên, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu của các phòng, đơn vị.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của Công đoàn, Ban Thanh tra Nhân dân đối với công tác phòng, chống tham nhũng tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc; cương quyết xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

- Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự quyết tâm và đồng thuận về nhận thức trong thực hiện nhiệm vụ và đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.



Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021; Ban quản lý VQGPPB kính gửi đến Đoàn Giám sát, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp theo quy định./.

(Đính kèm các Phụ lục)

**Nơi nhận:**

- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo BQLVQGPPB;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Công Vân**



PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số 07/BC-BQLVQG PB ngày 28/9/2022 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>																
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	6	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc							1	1	1	1	0	0	2	2	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ															
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng															



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>																
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>																
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng															
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng															
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>																
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:																
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>															

DÃ  
 BAN  
 SƠN  
 PHU  
 VHN  
 (17)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng															
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng															
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng										28,08	0	17		45,08	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng										16,6	0	10,7		27,3	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng															
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng															
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)																
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng															
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:																
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng															
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng															
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng															
										85,39						85,393	
										85,39						85,393	



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Các nội dung khác</i>																
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng															
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng															
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng															
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng															
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng															
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>																
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị															
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị															
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng															
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>																





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>																
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>																
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc								1						1	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc								1						1	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc								1						1	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc															
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng															
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>																
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản															
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản															



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng															
3	<b>Các nội dung khác</b>																
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>																
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>																
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án															
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng		1.455		-		417		142		1.498				3.512	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng															
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		1.455		-		417		142		1.498				3.512	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng															
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng															
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng															
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án															



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ																
	<i>Số lượng</i>	dự án															
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng															
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>																
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	567		567		567		567		567		567		567		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2															
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2															
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2															
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2															
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng															
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>																

AN  
 AN OI  
 ON Q  
 PHUC  
 NH NI  
 10



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2															
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2															
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2															
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2															
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2															
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng															
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>																
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>																
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>																
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2															

TIP  
 IAN I  
 JOC  
 O BIH  
 H TH  
 \*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2															
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>																
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ															
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng															
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>																
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án															
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng															
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt																
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>																

Y. H. H.  
 GIA  
 H  
 UẬN  
 N. H.



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>																
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ															
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng															
3	Các nội dung khác																
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>																
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>																
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng															
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng															
	Tiết kiệm điện	Kw/h															
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)															
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng															

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng															
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng															
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng															
2	Quản lý đầu tư xây dựng																
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án															
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án															
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được																
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>															
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn																





STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>															
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>															
2.5	Các nội dung khác																
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>																
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>															
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>																
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con																
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>															
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>															
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>															

12  
 HƯC  
 HNI

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc															
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng															
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc															
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc															
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng															
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>																
	Số đầu kỳ	triệu đồng															
	Số cuối kỳ	triệu đồng															
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>																
	Số đầu năm	triệu đồng															
	Số cuối kỳ	triệu đồng															
<b>VIII</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>																

FIN  
AN LY  
JOC I  
C BIN  
HTH  
\*



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc															
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc															
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị															
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị															
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng															
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng															



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18



PHỤ LỤC 7

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số 07/BC-BQLVQG PB ngày 28/9/2022 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
<b>A</b>	<b>ĐẤT, NHÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP</b>											
<b>I</b>	<b>VỀ ĐẤT</b>											
1	Tổng diện tích	m2	28.842,30	29.317,84	29.317,84	29.317,84	475,54	475,54	0,00			
2	Hiện trạng sử dụng									Tăng do XD mới nhà nghi trên rừng		
a	Làm trụ sở làm việc	m2	567,00	567,00	567,00	567,00	-	-	-			
b	Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp	m2	3.201,58	3.410,58	3.410,58	3.410,58	209,00	209,00	-			
c	Kinh doanh	m2										
d	Cho thuê	m2										
d	Liên doanh, liên kết	m2										
e	Sử dụng khác	m2	25.073,72	25.340,26	25.340,26	25.340,26	266,54	266,54				
3	Giá trị theo sổ kế toán	1.000 đ										
<b>II</b>	<b>VỀ NHÀ</b>											
1	Tổng diện tích	m2	3.768,58	3.977,58	3.977,58	3.977,58	209,00	209,00	0,00			
2	Hiện trạng sử dụng									Tăng do XD mới nhà nghi trên rừng		
a	Làm trụ sở làm việc	m2	567,00	567,00	567,00	567,00	0,00	-	-			
b	Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp	m2	3.201,58	3.410,58	3.410,58	3.410,58	209,00	209,00	-			



TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
c	Kinh doanh	m2										
d	Cho thuê	m2										
d	Liên doanh, liên kết	m2										
e	Sử dụng khác	m2	25.073,72	25.340,26	25.340,26	25.340,26	266,54	266,54				
<b>3</b>	<b>Nguyên giá theo sổ kế toán</b>	<b>1.000 đ</b>										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
<b>4</b>	<b>Giá trị còn lại theo sổ kế toán</b>	<b>1.000 đ</b>										
<b>B</b>	<b>XE Ô TÔ</b>											
<b>I</b>	<b>XE PHỤC VỤ CHỨC DANH</b>											
<b>1</b>	<b>Tổng số xe phục vụ chức danh</b>	<b>cái</b>										
<b>2</b>	<b>Hiện trạng sử dụng</b>											
<i>a</i>	<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>cái</i>										
<i>b</i>	<i>Hoạt động sự nghiệp</i>	<i>cái</i>										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
<i>c</i>	<i>Sử dụng khác</i>	<i>cái</i>										
<b>3</b>	<b>Nguyên giá theo sổ kế toán</b>	<b>1.000 đ</b>										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										

QUẢN  
 LÝ NHÀ  
 NƯỚC  
 TỈNH QUẢNG  
 BÌNH



TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ										
<b>II</b>	<b>XE PHỤC VỤ CHUNG</b>											
1	Tổng số xe phục vụ chung	cái										
2	Hiện trạng sử dụng											
a	<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>cái</i>										
b	<i>Hoạt động sự nghiệp</i>	<i>cái</i>										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	<i>Sử dụng khác</i>	<i>cái</i>										
3	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	Giá trị còn lại theo sổ kế toán											
<b>III</b>	<b>XE CHUYÊN DÙNG</b>		1	1	1	1						
1	Tổng số xe chuyên dùng	cái	1	1	1	1						
2	Hiện trạng sử dụng		Tốt	Tốt	Tốt	Tốt						
a	<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>cái</i>	1	1	1	1						

NH  
 LÝ  
 3 GIẤ  
 INH  
 HUẤN

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
<i>b</i>	<i>Hoạt động sự nghiệp</i>	<i>cái</i>										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
<i>c</i>	<i>Sử dụng khác</i>	<i>cái</i>										
<b>3</b>	<b>Nguyên giá theo sổ kế toán</b>	<b>1.000 đ</b>										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	458.907,00	458.907,00	831.228	831.228						
b	Nguồn khác	1.000 đ										
<b>4</b>	<b>Giá trị còn lại theo sổ kế toán</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>775.785</b>	<b>720.342</b>						

NH  
TH





PHỤ LỤC 9

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số 07/BC-BQLVQGPB ngày 18/9/2022 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	TỔNG NGUỒN TRONG NĂM = II+III+IV							
II	TỔNG SỐ HỖND CẤP TỈNH THÔNG QUA							
1	Chi đầu tư phát triển	12.000,00	100,00	5.400,00	3.300,00	17.378,00		
a	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW							
	- Trong nước							
	- Nước ngoài							
b	Chi đầu tư trong cân đối NSDP							
	- Chi đầu tư XD CB tập trung trong nước							
	- Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
	- Bội chi NSDP							
2	Chi trả nợ lãi vay							
3	Chi thường xuyên	3.822,20	4.156,30	4.405,20	5.631,90	5.894,30	2.880,40	
a	Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW							
b	Cân đối NSDP	3.822,20	4.156,30	4.405,20	5.631,90	5.894,30	2.880,40	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ							
5	Chi cải cách tiền lương							
6	Bội thu NSDP							
7	Số vay trong năm							
a	Vay bù đắp bội chi							
b	Vay trả nợ gốc							
8	Dự phòng NSDP							





STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Chi trả nợ lãi vay							
3	Chi thường xuyên							
a	<i>Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW</i>							
b	<i>Cân đối NSDP</i>							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ							
5	Chi cải cách tiền lương	33,655	252,823	252,823	284,774	362,74	362,74	
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN TRONG NĂM</b>	<b>15.822,20</b>	<b>4.256,30</b>	<b>9.805,20</b>	<b>8.931,90</b>	<b>22.579,76</b>	<b>2.880,40</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	12.000,00	100,00	5.400,00	3.300,00	16.685,46		
a	<i>Bổ sung có mục tiêu từ NSTW</i>							
	- Trong nước							
	- Nước ngoài							
b	<i>Chi đầu tư trong cân đối NSDP</i>							
2	Chi trả nợ lãi vay							
3	Chi thường xuyên	3.822,20	4.156,30	4.405,20	5.631,90	5.894,30	2.880,40	
a	<i>Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW</i>							
b	<i>Cân đối NSDP</i>							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ							
5	Chi cải cách tiền lương							
6	Bội thu NSDP							
7	Số vay trong năm							
a	<i>Vay bù đắp bội chi</i>							
b	<i>Vay trả nợ gốc</i>							
<b>C</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>							
1	Chi đầu tư phát triển							
a	<i>Bổ sung có mục tiêu từ NSTW</i>							
	- Trong nước							

AN  
 OC  
 BIN  
 TH



STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Nước ngoài							
<b>b</b>	<b>Chi đầu tư trong cân đối NSDP</b>							
	- Chi đầu tư XDCB tập trung trong nước							
	- Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
	- Bội chi NSDP							
<b>2</b>	<b>Chi trả nợ lãi vay</b>							
<b>3</b>	<b>Chi thường xuyên</b>							
<b>a</b>	<b>Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW</b>							
<b>b</b>	<b>Cân đối NSDP</b>							
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ</b>							
<b>5</b>	<b>Chi cải cách tiền lương</b>							
<b>6</b>	<b>Bội thu NSDP</b>							
<b>7</b>	<b>Số vay trong năm</b>							
<b>a</b>	<b>Vay bù đắp bội chi</b>							
<b>b</b>	<b>Vay trả nợ gốc</b>							
<b>D</b>	<b>SỐ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUYẾT TOÁN</b>							
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>							
<b>a</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu từ NSTW</b>							
	- Trong nước							
	- Nước ngoài							
<b>b</b>	<b>Chi đầu tư trong cân đối NSDP</b>							
<b>2</b>	<b>Chi trả nợ lãi vay</b>							
<b>3</b>	<b>Chi thường xuyên</b>							
<b>a</b>	<b>Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW</b>							
<b>b</b>	<b>Cân đối NSDP</b>							
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ</b>							
<b>5</b>	<b>Chi cải cách tiền lương</b>							
<b>D</b>	<b>HỦY DỰ TOÁN</b>							

H. GI. H. I. A. N.

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Chi đầu tư phát triển							
a	<i>Bổ sung có mục tiêu từ NSTW</i>							
	- Trong nước							
	- Nước ngoài							
b	<i>Chi đầu tư trong cân đối NSDP</i>							
2	Chi trả nợ lãi vay							
3	Chi thường xuyên							
a	<i>Bổ sung vốn sự nghiệp từ nguồn NSTW</i>							
b	<i>Cân đối NSDP</i>							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ							
5	Chi cải cách tiền lương							

HÌNH THỨC





UBND TỈNH NINH THUẬN  
BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA  
PHƯỚC BÌNH  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 11**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TỰ CHỦ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**  
(Kèm theo Báo cáo số 67/BC-BQLVQG PB ngày 28/9/2022 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình)

ST T	Năm/ Chỉ tiêu	Số đơn vị sự nghiệp công lập						Số biên chế, người lao động					Tổng kinh phí NSNN chi cho ĐVSNCL (triệu đồng)						
		Tổng số	Trong đó chia theo mức độ tự chủ					Tổng số	Trong đó chia theo mức độ tự chủ				Tổng số	Trong đó chia theo mức độ tự chủ					
			Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX	Một phần chi TX	100% chi ĐTPT, chi TX do NS bảo đảm		Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX	Một phần chi TX		100% chi ĐTPT, chi TX do NS bảo đảm	Tự chủ 100% chi TX, chi ĐTPT	Một phần chi ĐTPT, 100% chi TX	100% chi TX	Một phần chi TX	100% chi ĐTPT, chi TX do NS bảo đảm
1	Năm 2016	1				1					1			3.822,2				3.822,2	
2	Năm 2017	1				1					1			4.156,3				4.156,3	
3	Năm 2018	1				1					1			4.405,2				4.405,2	
4	Năm 2019	1				1					1			5.631,9				5.631,9	
5	Năm 2020	1				1					1			5.894,3				5.894,3	
6	Năm 2021	1				1					1			2.880,4				2.880,4	